Chương 4

Danh động từ và động từ nguyên thể

Phần 1 Giải thích ngữ pháp

Danh động từ

Danh động từ có cấu tạo: động từ + -ing và được sử dụng như danh từ trong câu.

1. Chức năng ngữ pháp của danh động từ

1) Danh động từ được dùng làm chủ ngữ

Trying to keep the traditional skills and ways of life alive is a very valuable effort. (Cam 3, T2, W)

Knowing there is a direct relationship between the quality of work and the amount of money earned is important for developing a strong work ethic. (Cam 3, T3, W)

Simply giving poorer nations money does not solve any problems. (Cam 3, T4, W)

Đôi khi danh động từ được dùng làm chủ ngữ chính đứng ở cuối câu, còn it đứng ở đầu câu là chủ ngữ hình thức, chủ yếu xuất hiện trong các mẫu câu sau:

It is no use (good) doing sth.; It is hard work doing sth.; It is a joy (pleasure) doing sth.; It is worthwhile doing sth.

It is no good ***sitting up too late***.

I also thought it'd be worthwhile ***talking to a lecturer***. (Cam 6, T2, L)

It's a great pleasure ***doing some reading at the fireside on a winter night***.

LIVEWORKSHEETS

2) Danh động từ được dùng làm bổ ngữ

If the job is ***running a small business or an autonomous unit within a larger business***, high achievers should be sought. (Cam 6, T3, R)

3) Danh động từ được dùng làm túc từ

Danh động từ có thể được dùng làm túc từ cho động từ và giới từ.
(1) Danh động từ được dùng làm túc từ cho động từ

Would you mind ***my asking your salary***? (Cam 2, T3, L)

Overuse of fertilizers may cause farmers to stop ***rotating crops***. (Cam 3, T2, R)

When the local government in Cambridge, England, considered ***introducing Singaporean techniques***, it faced vocal and ultimately successful opposition. (Cam 3, T4, R)

Loại này gồm các động từ:

acknowledge, admit, advocate, allow, anticipate, appreciate, avoid, complete, consider, delay, deny, enjoy, escape, excuse, finish, forbid, imagine, include, involve, keep, mind, miss, permit, postpone, practice, quit, recommend, resist, resume, risk, stop, suggest, can't help, give up, put off

(2) Danh động từ được dùng làm túc từ cho giới từ

In this essay, I will give my reasons for ***holding this opinion***. (Cam 5, G, TA, R)

A surge in Japanese traveling abroad in 1990 resulted in Australia ***regaining their share of Japanese tourists***.

It depends on ***automation being adequately exploited***.

4) Danh động từ được dùng làm tính từ

Danh động từ có thể được dùng làm tính từ để bổ nghĩa cho một danh từ khác, thông thường là mô tả chức năng và công dụng của danh từ được bổ nghĩa.

The ***starting*** point of induction is an impossible one. (Cam 3, T1, R)

The writer, like any other artist, has no ***resting*** place.

Parent resource centers offered ***learning*** materials for families and facilities for childcare. (Cam 5, T3, R)

2. Dạng hoàn thành của danh động từ

Cấu tạo cơ bản: having done (chủ động) và having been done (bị động)

She was not sure of ***having done anything wrong***.

After ***having been interviewed***, he was offered the job.

3. There is no + danh động từ

Cấu trúc này có nghĩa tương tự như It is impossible to do sth.

There is no predicting when war will break out again.

There is no saying whether we can finish the job according to the schedule.

LIVEWORKSHEETS

Động từ nguyên thể

Cấu tạo của động từ nguyên thể: to + động từ cơ bản (to do). Ở một số trường hợp, động từ đứng một mình không có to được gọi là động từ nguyên thể không to (bare infinitive hoặc infinitive without to).

1. Chức năng ngữ pháp của động từ nguyên thể

1) Động từ nguyên thể được dùng làm chủ ngữ

Trong trường hợp này, động từ nguyên thể có thể được thay bằng danh động từ mà vẫn không tạo ra sự khác biệt về ý nghĩa.

To make a decision without knowing all the facts is difficult.

It is not pointless ***to try to keep the old traditions alive in some fashion***. (Cam 3, T2, W)

It is important ***for members of a family to work together to achieve their goals***. (Cam 3, T2, S)

2) Động từ nguyên thể được dùng làm bổ ngữ

Động từ nguyên thể và danh động từ đều có thể được dùng làm bổ ngữ. Tuy nhiên, khi chủ ngữ là từ chỉ khuynh hướng tương lai như phương pháp, mục đích, kế hoạch, hy vọng, v.v. thì động từ nguyên thể thường được dùng làm bổ ngữ hơn.

I think that the best way to approach it is ***to divide the essay into two parts***. (Cam 2, T2, L)

The most important lesson I learned from her is ***to always keep a positive attitude and never give up***.

Children's main responsibility is still ***to play and have fun***. (Cam 3, T3, W)

My plans are ***to attend either Cambridge or Oxford in England***. (Cam 3, T3, S)

The aim is ***to remove the heaviest-polluting, most decrepit vehicles from the roads***. (Cam 3, T4, R)

The important thing is ***for the movie to be interesting***. (Cam 3, T2, S)

The key to fostering diversity is ***for people to learn their ancestral tongue, as well as the dominant language***. (Cam 4, T2, R)

3) Động từ nguyên thể được dùng làm túc từ

Một số động từ yêu cầu động từ theo sau phải ở dạng nguyên thể.

We hope ***to reopen the shop in the next few months***. (Cam 6, T1, L)

When I first pointed this out to you, you agreed ***to provide a brand-new dining set***. (Cam 6, G, TA, W)

We managed ***to climb 32 peaks that were over 3,000 meters high***. (Cam 2, T1, L)

He must strive continually ***to think of, and use, form in its full spatial completeness***.

LIVEWORKSHEETS

Những động từ tiêu biểu thường đi với động từ nguyên thể:
afford, agree, aim, ask, attempt, begin, bother, care, choose, claim, consent, continue, dare, decide, decline, demand, deserve, desire, determine, endeavor, expect, fail, forget, happen, help, hesitate, hope, intend, learn, long, manage, mean, need, neglect, offer, plan, pledge, prepare, pretend, proceed, promise, refuse, remember, resolve, seek, start, strive, struggle, tend, threaten, try, undertake, venture, volunteer, wait, want, wish

Nếu động từ nguyên thể làm túc từ đứng sau tính từ thì phải có thêm túc từ hình thức it đứng ở trước tính từ đó.

Individuals often find it hard ***to escape from the role that cultural traditions have defined for them***. (Cam 3, T2, R)

I find it too simple ***to say that a person whose parents are criminals will become one, too***. (Cam 5, T4, W)

The invention of the container crane made it possible ***to load and unload containers without capsizing the ship***. (Cam 6, T1, R)

4) Động từ nguyên thể được dùng làm tính từ

(1) Giữa danh từ và động từ nguyên thể đi sau có mối quan hệ bị động về mặt lôgic

Just in Beijing alone there are so many places ***to see*** and so many things ***to do***. (Cam 3, T3, S)

The Department has a vital role ***to play*** in providing information on non-Western cultures to visitors and scholars. (Cam 3, T3, R)

(2) Một số danh từ yêu cầu động từ theo sau phải ở dạng nguyên thể

This really gave us the courage ***to keep trying to improve our English***.

It will undoubtedly mean more pressure ***to convert natural habitat into farmland***. (Cam 3, T2, R)

To feed on an increasingly hungry world, farmers need every incentive ***to use their soil and water effectively and efficiently***. (Cam 3, T2, R)

All students are given chances ***to develop their confidence***. (Cam 4, G, TA, R)

There are plenty of opportunities ***for new technologies to help filter and categorize information***. (Cam 5, T3, R)

Những danh từ tiêu biểu thường đi với động từ nguyên thể:
ability, agreement, ambition, attempt, capacity, chance, claim, courage, decision, demand, desire, determination, eagerness, effort, failure, freedom, hope, incentive, inclination, intention, need, offer, opportunity, plan, pressure, refusal, reluctance, request, resolution, resolve, right, tendency, way, willingness

(3) Động từ nguyên thể bổ nghĩa cho only, first, next, last hoặc bổ nghĩa cho những danh từ đi với các từ này

By doing so, it became one of the first groups ***to project a corporate identity***. (Cam 3, T4, R)

People fear they may be the next ***to be made redundant***. (Cam 6, T3, R)

The last creature ***to compete with man*** was the mosquito.

LIVEWORKSHEETS

5) Động từ nguyên thể được dùng làm trạng từ

Động từ nguyên thể thường được dùng làm trạng từ chỉ mục đích hoặc trạng từ chỉ kết quả.

(1) Động từ nguyên thể được dùng làm trạng từ chỉ mục đích

College students must work hard themselves ***to find a good job after they graduate***. (Cam 3, T1, S)

Scientists are working ***to discover the links between the weather and human beings' moods and performance***. (Cam 3, T3, R)

California has developed a scheme ***to get these gross polluters off the streets***. (Cam 3, T4, R)

(2) Động từ nguyên thể được dùng làm trạng từ chỉ kết quả

Children grow up during this age ***not to respect their families, but to only be concerned with their own individual welfare***. (Cam 3, G, TB, W)

Of course there were year-to-year fluctuations, ups and downs, but these were not strong enough ***to change the very strong overall downtrend for the US, and uptrend for Japan***. (Cam 3, T4, W)

The populations of some islands are too small ***to have normal schools***. (Cam 3, T2, W)

A modern hard-core sociologist might even go so far as ***to claim that this aggressive instinct evolved as an advantageous trait***. (Cam 5, T1, R)

ı đạt ý nghĩa bổ sung

bị động, bổ sung ý nghĩa cho chủ ngữ

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + be + phân từ quá khứ + động từ nguyên thể

The Olympics is considered ***to be the highest level of competitive sports***. (Cam 3, T1, W)

A world-wide rise in allergies, particularly asthma, over the past four decades is now said ***to be linked with increased air pollution***. (Cam 3, T4, R)

(2) Động từ nguyên thể đi sau tính từ, bổ sung ý nghĩa cho tính từ đó.

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + be + tính từ + động từ nguyên thể

Happiness is very difficult ***to define***. (Cam 4, T2, W)

The quantity of these gases is enough ***to explain the mass of the world's atmosphere***. (Cam 4, T3, R)

(3) Động từ nguyên thể bổ sung ý nghĩa cho động từ chính trong câu.

Cấu tạo cơ bản: Chủ ngữ + động từ + túc từ + động từ nguyên thể

He encouraged us ***to explore the language on our own, and to speak out without embarrassment***. (Cam 3, T1, S)

The reaction to the ejection of these small particles causes the rocket ***to move forwards***.

Popular events like the World Cup and other international sporting occasions allow countries ***to compete in a healthy way***. (Cam 3, T1, W)

LIVEWORKSHEETS

2. Cách diễn đạt 'Wh-word + động từ nguyên thể'

Cấu tạo cơ bản: who, what, which, when, where, how, whether, as if, as though, v.v. + động từ nguyên thể

My concern is ***when to hand in our compositions***.

They make friends and learn ***how to get on with other children of a similar age***. (Cam 4, G, TB, W)

This service is available to anyone who is undecided as to ***which course to follow***. (Cam 2, G, TA, R)

3. Thì của động từ nguyên thể

Thì tiếp diễn của động từ nguyên thể: to be doing, được dùng để diễn tả một hành động đang diễn ra.

For many environmentalists, the world seems ***to be getting worse***. (Cam 5, T1, R)

Thì hoàn thành của động từ nguyên thể: to have done được dùng để diễn tả một hành động đã hoàn tất.

The senses of taste and smell appear ***to have deteriorated***. (Cam 4, T1, R)

26 species are known ***to have become successfully integrated into the local environment***. (Cam 3, T2, R)

4. Thể bị động của động từ nguyên thể

Cấu tạo cơ bản: to be done, được dùng để diễn tả mối quan hệ bị động.

Recent research has shown that other factors need ***to be considered***. (Cam 1, T4, R)

If something happens to the brain's development during pregnancy, it is more likely ***to be affected in a male***. (Cam 1, T2, R)

5. Những cách nói thông dụng sử dụng động từ nguyên thể

to conclude, to illustrate, to be brief, to be exact, to be fair, to be frank, to be honest, to be sure, to begin with (to start with), to sum up, to summarize, needless to say, not to mention (not to speak of), sad to say, so to speak, strange to say, to name a few, to put it simply, to tell (you) the truth, to say nothing of..., to say the least, that is to say, not to mention..., to do sb. justice, to make matters worse, to give sb. his due, to put it another way, to return to my subject, to make a long story short

LIVEWORKSHEETS

To put it simply, there is such a huge investment in this industry that it couldn't do anything but get bigger. (Cam 3, T2, S)

To tell you the truth, I would have to say that the media pays more attention to national events. (Cam 3, T3, S)

To summarize, I do believe that some support should be given to poorer nations, especially directed towards women in the areas of health and education. (Cam 3, T4, W)

The reason that we have so much rubbish ***to begin with*** is that we have become a consumer society, where having material things is viewed as our aim in life. (Cam 5, G, TB, W)

6. Động từ nguyên thể không to

Động từ nguyên thể không to đi sau các động từ hoặc cụm từ: let, make, have, help, let alone, much less, cannot but, cannot help but, do nothing but, v.v.

When you find the answer, let me ***know***. (Cam 2, T1, L)

Ms. Brady had us ***form small groups***, gave us topics to prepare, and then had us ***report to the class***.

My computer helps me ***keep in contact with my Chinese friends***. (Cam 3, T4, S)

Nếu chủ ngữ là all, what, the ... thing, v.v. cùng với một dạng nào đó của động từ to do thì động từ nguyên thể không to có thể được dùng trực tiếp làm bổ ngữ.

The first thing you have to do is ***find a family doctor***. (Cam 3, T1, L)

Now what you've got to do this morning is ***register with one of them***. (Cam 3, T1, L)

Phần 2 Thực hành ngữ pháp

1. Điền vào chỗ trống hình thức thích hợp của động từ được cho trong ngoặc.

1. I truly enjoyed _____ (sing) in front of all those students. (Cam 3, T3, S)
2. Archaeology has an active role _____ (play) in the field of conservation. (Cam 4, T4, R)
3. Their duties include such things as booking playing fields with local councils and _____ (organize) the schedule of games or events for the club.
4. My approach is _____ (skim) the book first to see what's important and what isn't. (Cam 2, T1, L)
5. I think I'd replace it with another one, since I'm so used to _____ (wear) something around my neck. (Cam 3, T4, S)

LIVEWORKSHEETS

6. Continuous _____ (lie) in the mind spells the destruction of human thought and character.
7. _____ (start) with, it is a fact that throughout the world, women are likely to live many years longer than men. (Cam 5, T1, L)
8. Teachers often just leave maps on the wall for children _____ (look) at when they have some free time, but kids really enjoy _____ (use) them for problem-solving. (Cam 2, T2, L)
9. Farms are likely _____ (manage) strictly on commercial lines. (Cam 2, T2, L)
10. In addition to _____ (be) responsible for more than 85 per cent of lung cancers, smoking is associated with cancers of, among others, the mouth, stomach and kidney. (Cam 3, T1, R)
11. _____ (increase) the output of crops per acre, a farmer's easiest option is _____ (use) more of the most readily available inputs. (Cam 3, T2, R)
12. The pressure on public officials, corporations and urban citizens to reverse established trends in air pollution is likely _____ (grow) in proportion with the growth of cities themselves. (Cam 3, T4, R)
13. _____ (tell) you the truth, many young people do waste a lot of time comparing themselves to other people. (Cam 3, T4, S)
14. The challenge is _____ (attain) a sustainable balance between population, economic growth and the environment. (Cam 3, G, T4, R)
15. A recent survey of staff found that 90 per cent welcomed _____ (have) clothing which reflected the corporate identity. (Cam 3, G, TB, R)
16. The most dramatic of these is the Pacific "ring of fire" where there have been the most violent explosions — Mount Pinatubo near Manila, Mount St Helen's in the Rockies and El Chichon in Mexico about a decade ago, not _____ (mention) world-shaking blasts like Krakatoa in the Sunda Straits in 1883. (Cam 4, T3, R)
17. Newspapers and broadcasters are there _____ (provide) what the public wants. (Cam 5, T1, R)
18. Before the dams were built, the Nile flowed freely, carrying huge quantities of sediment north from Africa's interior _____ (deposit) on the Nile delta. (Cam 5, T3, R)
19. Research suggests that women avoid _____ (deal) effectively with their economic situation because of a lack of confidence. (Cam 5, T1, L)
20. This data is used _____ (wring) improvements out of athletes. (Cam 6, T1, R)
21. At first it may have been grains or pebbles but now it is a memorized sequence of words that happen _____ (be) the names of the numbers. (Cam 6, T2, R)
22. When an organization is shrinking, the best and most mobile workers are prone _____ (leave) voluntarily. (Cam 6, T3, R)
23. "I've been the recipient of golf balls from one company and I use them, but it doesn't make me _____ (prescribe) their medicine," says one doctor. (Cam 6, T4, R)
24. Cosimo Alessandro Collini, the first natural historian _____ (study) the fossil and describe it, was unable to classify it. (Cam 6, G, TB, R)

LIVEWORKSHEETS

25. A few decades later, the name pterosaur, or winged reptile, was adopted _____ (describe) the growing list of similar fossils. (Cam 6, G, TB, R)
26. They've even been known _____ (attack) humans, especially in times of drought. (Cam 6, T4, L)
27. Publicity comes only when a failure _____ (communicate) has major consequences. (Cam 2, T2, R)
28. _____ (be) fair, the discovery of a new planet was the last thought in anybody's mind. (Cam 2, G, TA, R)
29. You're looking forward to _____ (write) your dissertation. (Cam 2, T3, L)
30. It's a good idea _____ (find) out from your lecturers if they mind you _____ (record) the lectures. (Cam 2, T4, L)
31. About 90 per cent of every human population that has ever lived appears _____ (be) right-handed. (Cam 1, T2, R)
32. It's worth _____ (remember) that the difference in price between a five and ten speed cycle is usually very little. (Cam 1, T2, L)
33. There was an English Duke who was particularly fond of bananas and he used _____ (cultivate) them in his hothouse. (Cam 1, T2, L)
34. Experts from the Zoo felt obliged to investigate, for the descriptions given by people who claimed _____ (see) the puma were extraordinarily similar.

2. Đổi phần được gạch dưới trong các câu sau sang danh động từ hoặc động từ nguyên thể một cách thích hợp.

1. He had been the first who turned a telescope to the sky.
2. This decline in vigor as time passes is called ageing.
3. The explosion in demand for accommodation in the inner suburbs of Melbourne suggests a recent change in many people's preferences as to where they live. (Cam 6, T2, R)
4. We are so familiar with the fact that man ages.
5. It is common that supporters of road networks reject the models of cities with good public transport by arguing that such systems would not work in their particular city. (Cam 6, T2, R)
6. Even the earliest of tribes had a system of numeration that, if not advanced, was sufficient for the tasks that they had to perform. (Cam 6, T2, R)

LIVEWORKSHEETS

7. The challenge to management is how employees can be motivated under such retrenchment conditions. (Cam 6, T3, R)

8. In order that your iron does not become furred up, Moulex have integrated an auto-clean system and we advise you to use it very regularly. (Cam 1, G, R)

9. In order that the benefits of recycling may be achieved, the community must also contribute. (Cam 1, G, R)

10. The first thing to do is that you handle your immediate environment.

11. One of the best ways you accomplish this is that you make sure you take a walk every day.

12. She lifted one arm, as if she was going to shield herself, and then screamed in terror.

13. The only way that they can preserve their history is to recount it as sagas–legends handed down from one generation of story-tellers to another.

3. Dịch các câu sau sang tiếng Việt, lưu ý cách dùng của danh động từ và động từ nguyên thể.

1. Bringing down these barriers would help the world's economies grow even closer. (Cam 6, T1, R)

2. Obviously, deciding to reduce the size of a work group by eliminating some of its members is probably one of the most difficult decisions for a work group to make. (Cam 3, T4, R)

3. One should have the courage to think uncomfortably, since it is only by rejecting the convenience that one can come to think the truth.

4. Quite often, governments try to kill off a minority language by banning its use in public or discouraging its use in schools, all to promote national unity. (Cam 4, T2, R)

5. Making a rapid emotional assessment of the events of the moment is an extremely demanding job for the brain, animal or human. (Cam 5, T2, R)

6. Communities in fragile environments must achieve greater control over tourism ventures in their regions, in order to balance their needs and aspirations with the demands of tourism. (Cam 5, T4, R)

LIVEWORKSHEETS

7. Free samples of new and expensive drugs might be the single most effective way of getting doctors and patients to become loyal to a product. (Cam 6, T4, R)

8. Replicating these conditions in other countries will be a major challenge for development workers. (Cam 6, T4, R)

9. In the past three decades, a number of fossil discoveries have prompted researchers to re-examine their views. (Cam 6, G, TB, R)

10. The creation of health must include addressing issues such as poverty, pollution, urbanization, natural resource depletion, social alienation and poor working conditions. (Cam 2, T1, R)

11. A teacher's main concern is to help young beginner readers to develop not only the ability to recognize words, but the skills necessary to understand what these words mean. (Cam 2, T4, R)

12. Looking at a picture actively prevents children younger than nine from creating a mental image. (Cam 2, T4, R)

13. In order to learn how to comprehend, they need to practice making their own meaning in response to text. (Cam 2, T4, R)

14. We were quite shocked to discover that only 9% of people here in the UK make an effort to recycle their household waste. (Cam 5, T3, L)

15. The intelligence test is an attempt to assess the general ability of any child to think, reason, judge, analyze and synthesize by presenting him with situations, both verbal and practical.

16. Can we blame those who looked and failed to see what Galileo saw, if we remember that to use a telescope at the limit of its powers calls for long experience and intimate familiarity with one's instrument?

LIVEWORKSHEETS

4. Dịch các câu sau sang tiếng Anh.

Sử dụng hình thức danh động từ

1. Tôi tin rằng đi học từ lúc còn bé thì tốt cho hầu hết trẻ em. (Cam 4, G, TB, W)
2. Đi đến kết luận rằng thay đổi là tất yếu thì không giống với việc cho rằng "thay đổi luôn hướng đến điều tốt hơn". (Cam 6, T4, W)
3. Các loài thực vật trở nên thích nghi với việc sống ở một môi trường nào đó. (Cam 5, T4, R)
4. Dành thời gian với những đứa trẻ khác và chia sẻ những trải nghiệm thực tế là một phần quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ em. (Cam 6, G, TB, W)
5. Chăm sóc sức khỏe cho mọi người có nghĩa là cung cấp các điều kiện khám chữa bệnh hoặc phòng bệnh. (Cam 2, T1, R)
6. Làm tổn thương người khác là nguyên nhân chính làm hạ thấp lòng tự trọng.
7. Không ai có thể tránh bị ảnh hưởng bởi quảng cáo.
8. Chẳng có ích gì khi bắt đầu vào cuối đời mới nói: "Tôi sẽ quan tâm đến điều này hay điều kia."

Sử dụng hình thức động từ nguyên thể

9. Để mở đầu, tôi không biết phải chọn môn nào giữa sinh vật và địa lý. (Cam 2, T1, L)
10. Nỗ lực làm sạch xe hơi có thể không có giá trị là bao đối với việc cắt giảm ô nhiễm nếu không có biện pháp nào được thực hiện đối với khuynh hướng sử dụng xe ngày càng nhiều hơn. (Cam 3, T4, R)
11. Tôi phản đối kế hoạch mở rộng sân bay và tăng số chuyến bay. (Cam 3, G, TB, W)
12. Một chức năng của từ điển là cho phép người học chuyển tải ấn tượng về việc học tập công phu. (Cam 5, T1, R)
13. Một điều mà các chính phủ có thể làm là yêu cầu các cá nhân, hộ gia đình, và cơ sở kinh doanh phân loại rác thải của họ thành các loại khác nhau. (Cam 5, G, TB, W)

LIVEWORKSHEETS

14. Sự thiếu khả năng xử lý các con số (có giá trị) lớn của một số nền văn hóa thật ra không đáng ngạc nhiên cho lắm. (Cam 6, T2, R)

15. Nói thật với bạn, gia đình của tôi không cùng nhau làm nhiều việc lắm vì thời gian biểu của chúng tôi quá khác nhau. (Cam 3, T1, S)

16. Hành động đơn giản nhất và ít tốn kém nhất là xây dựng các công sở, trường học và nơi công cộng không hút thuốc. (Cam 3, T1, R)

LIVEWORKSHEETS